
NGHIÊN CỨU

Dự báo tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương tới đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

Phùng Xuân Nhạ, Nguyễn Thị Minh Phương*

Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một trong những hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới tham vọng, toàn diện và sâu rộng nhất từ trước đến nay, góp phần thúc đẩy dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các nước thành viên, trong đó có Việt Nam. Bài viết dự báo tác động của TPP tới dòng vốn FDI vào Việt Nam và đưa ra một số giải pháp tăng cường thu hút FDI vào Việt Nam khi tham gia TPP.

Nhận ngày 24 tháng 2 năm 2016, Chính sửa ngày 03 tháng 3 năm 2015, Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 3 năm 2016

Từ khóa: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Việt Nam.

1. Tác động của FTA tới dòng vốn FDI

1.1. Các yếu tố của nước tiếp nhận đầu tư tác động tới dòng vốn FDI

Theo UNCTAD (1998), một nhà đầu tư nước ngoài khi lựa chọn địa điểm đầu tư sẽ quan tâm đến 3 nhóm yếu tố chính của nước tiếp nhận, bao gồm yếu tố chính sách, yếu tố kinh tế và yếu tố kinh doanh [1].

Các yếu tố chính sách liên quan đến ổn định kinh tế, chính trị và xã hội; quy định về gia nhập và hoạt động; đối xử với doanh nghiệp nước ngoài; chính sách cạnh tranh; chính sách tư nhân hóa; chính sách thương mại và các hiệp định FDI quốc tế.

Các yếu tố kinh tế được phân loại dựa vào mục đích của FDI. Với mục đích tìm kiếm thị trường, những yếu tố được quan tâm bao gồm: quy mô của thị trường và thu nhập bình quân đầu người; tốc độ gia tăng thị trường; khả năng

tiếp cận thị trường khu vực và toàn cầu; sở thích của người tiêu dùng nội địa và cấu trúc thị trường. Với mục đích tìm kiếm nguồn lực, nhà đầu tư quan tâm đến nguồn tài nguyên thiên nhiên; nguồn nhân lực; trình độ công nghệ và cơ sở hạ tầng của nước tiếp nhận. Với mục đích tìm kiếm hiệu quả thì lương, năng suất lao động, các chi phí khác như vận chuyển, liên lạc, sản phẩm trung gian và mạng lưới doanh nghiệp khu vực là các yếu tố quan trọng [1, 2].

Cuối cùng, các yếu tố kinh doanh như xúc tiến đầu tư, khuyến khích đầu tư, chi phí không chính thức (do tham nhũng và thủ tục hành chính...) cũng là những yếu tố tác động đến quyết định của nhà đầu tư nước ngoài.

1.2. Tác động của FTA tới dòng vốn FDI

Liên kết kinh tế khu vực nói chung và FTA nói riêng có thể tác động tới các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư, qua đó tác động tới luồng vốn FDI vào các nước thành viên. Mức độ tác động phụ thuộc vào phạm vi và độ sâu của cam kết hội nhập đó. Ngày nay, các FTA thế hệ mới

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-1232032009
Email: phuongntm.ueb.vnu.edu.vn

với mức độ hội nhập kinh tế sâu, phạm vi cam kết rộng sẽ ảnh hưởng tới luồng vốn FDI thông qua nhiều kênh khác nhau (Hình 1).

Trước hết, cam kết xóa bỏ thuế quan và tạo thuận lợi hóa thương mại trong FTA tác động trực tiếp đến yếu tố kinh tế thông qua mở rộng thị trường và giảm chi phí sản xuất. Các hàng rào thương mại được xóa bỏ hình thành nên một thị trường khu vực lớn hơn so với thị trường nội địa trước đó. Tham gia FTA cũng mang lại lợi ích về tăng trưởng kinh tế và gia tăng thu nhập cho các nước thành viên, dẫn đến mở rộng hơn nữa quy mô của thị trường [3, 4]. Bên cạnh đó, FTA làm giảm chi phí vận chuyển và sản xuất, thúc đẩy sự dịch chuyển sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng giữa công ty mẹ ở nước đầu tư và chi nhánh nước ngoài đặt ở nước tiếp nhận, thúc đẩy FDI giữa các nước thành viên [5, 6]. Đây là các yếu tố hấp dẫn đối với FDI nhằm tìm kiếm thị trường và tìm kiếm hiệu quả.

Thứ hai, cam kết mở cửa dịch vụ tác động trực tiếp đến yếu tố chính sách, loại bỏ rào cản thâm nhập thị trường cho các nhà đầu tư nội khối. Sự phát triển của thị trường dịch vụ có thể gián tiếp làm giảm chi phí cho doanh nghiệp hoạt động tại khu vực (yếu tố kinh tế), cải thiện môi trường kinh doanh (yếu tố kinh doanh), tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư vào khu vực.

Thứ ba, cam kết tự do hóa đầu tư hướng tới không phân biệt đối xử và đảm bảo đầu tư sẽ có tác động tích cực đến yếu tố chính sách và yếu tố kinh doanh; gián tiếp làm giảm chi phí hoạt động cho doanh nghiệp (yếu tố kinh tế). Các cam kết này có vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi trong khu vực, nhờ đó thúc đẩy lưu chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế [3] (Hình 1).

Ngoài ra, các FTA thế hệ mới còn mở rộng phạm vi sang một số nội dung khác nhằm tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi; giảm chi phí giao dịch và rủi ro trong kinh doanh do thiếu thông tin, gánh nặng thủ tục hành chính, rủi ro bị ăn cắp công nghệ và các tài sản trí tuệ...

FTA cũng giúp hình thành mạng lưới doanh nghiệp khu vực, làm giảm chi phí dịch vụ. Nhà đầu tư thực hiện được chuyên môn hóa sản xuất cao, khai thác được hiệu quả của phân công lao động quốc tế. Để tăng thị phần trong khu vực,

các doanh nghiệp có xu hướng mở rộng sản xuất bằng cách xây dựng mới hoặc mua lại và sáp nhập các cơ sở hiện có, do đó làm tăng dòng vốn FDI [3].

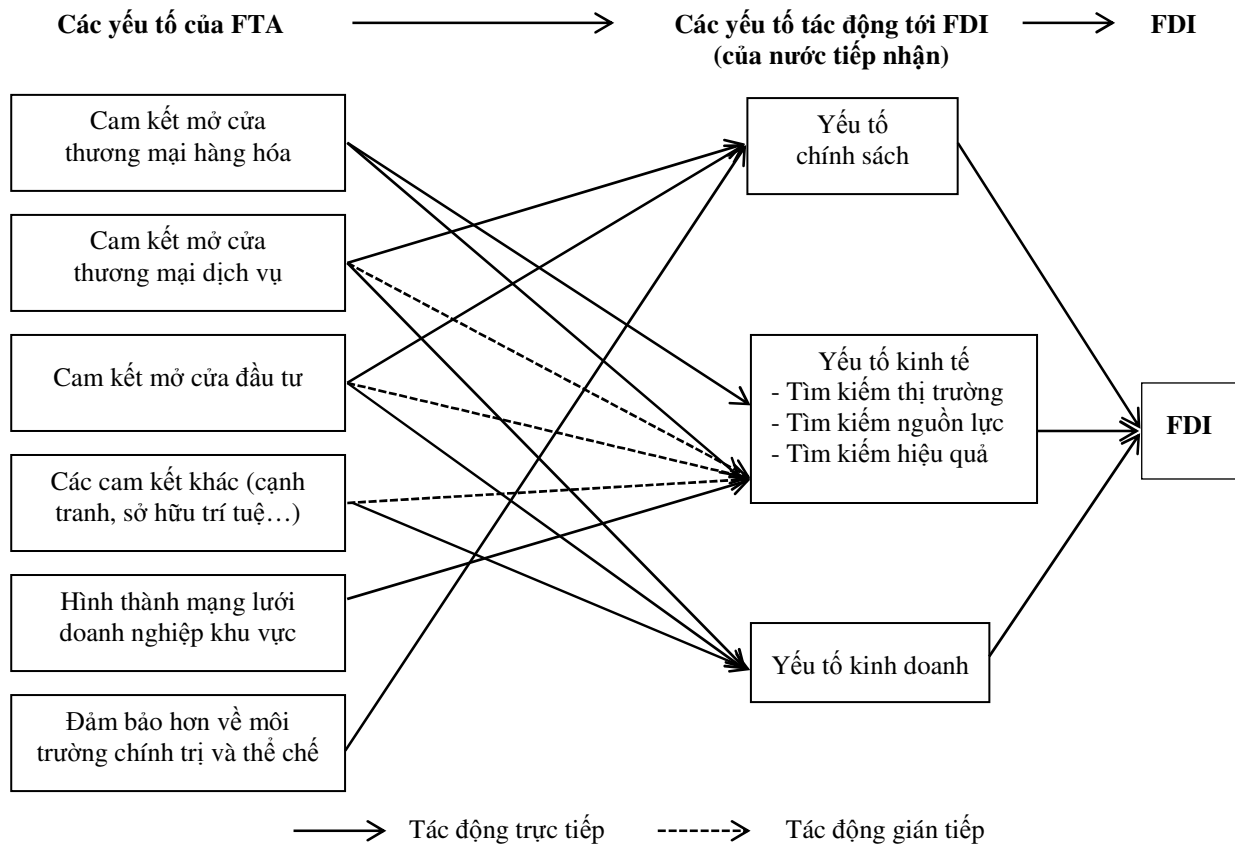
Cuối cùng, bản thân việc ký kết FTA giữa các quốc gia có vai trò như một sự đảm bảo về một môi trường chính trị và thể chế tốt hơn, giúp gia tăng niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài và cải thiện dòng vốn FDI vào các nước thành viên [6]. Như vậy, có thể thấy FTA là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy luồng vốn FDI.

2. Những nội dung chính của TPP tác động tới FDI vào Việt Nam

TPP gồm 30 chương, không chỉ đề cập đến các vấn đề truyền thống như hàng hóa, dịch vụ, đầu tư mà cả các vấn đề mới như cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ... Ngay trong các lĩnh vực truyền thống, mức độ hội nhập cũng sâu hơn so với các FTA trước đó. Chính sự khác biệt của TPP đã tạo ra nhiều yếu tố hấp dẫn, thu hút doanh nghiệp FDI đầu tư vào thị trường TPP.

2.1. Về thương mại hàng hóa

Trong các FTA đã được ký kết đến nay, mức độ tự do hóa thương mại hàng hóa trong TPP là cao nhất. TPP yêu cầu mở cửa hoàn toàn thị trường thương mại hàng hóa trong lộ trình rất ngắn, chỉ trừ một số rất ít mặt hàng nhạy cảm sẽ qua cơ chế song phương. Đối với hàng công nghiệp, hầu hết toàn bộ dòng thuế được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực và doanh nghiệp không bị áp dụng các yêu cầu về thực hiện để được hưởng ưu đãi thuế quan. Đối với hàng nông nghiệp, các nước cắt giảm thuế quan và các chính sách hạn chế khác, xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu, quy định về tín dụng xuất khẩu, không cho phép sử dụng biện pháp tự vệ đặc biệt (WTO vẫn cho áp dụng trong một số trường hợp). Không chỉ xóa bỏ thuế quan, TPP còn tạo thuận lợi hóa thương mại thông qua đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan, áp dụng cơ chế chung về chứng nhận xuất xứ, tự chứng nhận xuất xứ, minh bạch hóa tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT) và an toàn vệ sinh động thực vật (SPS)...



Hình 1: Các kênh tác động của FTA đối với những yếu tố ảnh hưởng FDI.

Đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, các nước TPP cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế quan nhập khẩu đối với 97-100% dòng thuế, trong đó 78-95% được xóa bỏ ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được hưởng thuế suất 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3-5 năm như nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép, đồ gỗ, hàng điện, điện tử, cao su... [8]. Những mặt hàng này hiện đang phải chịu mức thuế suất rất cao từ các nước TPP (gạo 28,66%; giày dép 12,25%; dệt may 11,53%...) ¹ nên lợi ích thu được từ cắt giảm thuế tương đối lớn. Đây là những lĩnh vực tiềm năng thu hút FDI vì nhà đầu tư nước ngoài

muốn tận dụng các ưu đãi mà Việt Nam được hưởng trong TPP. Mức độ mở cửa mà các nước TPP dành cho Việt Nam cao hơn mức trung bình trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết và gần tương đương với mức mở cửa trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Tuy nhiên, quy mô thị trường của TPP lớn hơn nhiều so với AEC, hứa hẹn sẽ tác động mạnh mẽ hơn đến dòng vốn FDI vào Việt Nam.

Tuy nhiên, để được hưởng các ưu đãi thuế quan trong TPP, các nước cần đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ, theo đó hàng hóa phải được sản xuất tại các nước thành viên với một tỷ lệ nhất định mới được hưởng thuế ưu đãi. Ví dụ, ngành dệt may yêu cầu xuất xứ “tù sợi trở đi”, mặc dù có kèm theo một số linh hoạt, vẫn là thách thức lớn đối với xuất khẩu dệt may của Việt Nam. Để khắc phục hạn chế này, các đối tác ngoài TPP có xu hướng đầu tư vào các nước TPP để cung ứng nguồn nguyên liệu đầu vào

¹ Thuế suất bình quân gia quyền của 11 nước thành viên TPP áp dụng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam năm 2013, số liệu được tra cứu từ WITS (World Bank), <http://wits.worldbank.org>.

cho sản xuất hàng hóa hướng tới xuất khẩu trong TPP.

Như vậy, các cam kết mở cửa thị trường hàng hóa trong TPP sẽ thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam, đặc biệt là trong ngành công nghiệp phụ trợ và các lĩnh vực Việt Nam được hưởng ưu đãi lớn về thuế quan; đồng thời biến Việt Nam thành một điểm sản xuất ngày càng quan trọng trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

2.2. Về thương mại dịch vụ

TPP vẫn quy định các nghĩa vụ cốt lõi trong WTO và các FTA khác như đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc, không áp dụng các hạn chế định lượng và không yêu cầu về thành lập thực thể pháp lý hoặc liên doanh cụ thể. Tuy nhiên, điểm khác biệt quan trọng trong TPP là cách tiếp cận “chọn - bỏ” thay cho cách tiếp cận “chọn - cho”. Nếu trước đây nhà đầu tư nước ngoài chỉ được phép đầu tư vào một số lĩnh vực đã được quy định cụ thể thì nay có thể đầu tư vào bất kỳ lĩnh vực nào miễn là không thuộc danh mục bảo lưu. Với cách tiếp cận này, cánh cửa dành cho nhà đầu tư nước ngoài được mở rộng hơn nhiều, giúp thúc đẩy FDI nội khối trong các lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tài chính².

2.3. Về đầu tư

Các nguyên tắc mở cửa đầu tư trong TPP bao gồm: (i) không phân biệt đối xử; (ii) nghiêm cấm trưng thu không vì mục đích công cộng, không theo quy trình thủ tục và không có bồi thường; (iii) tự do chuyển tiền liên quan đến đầu tư; (iv) nghiêm cấm các yêu cầu thực hiện (như yêu cầu về hàm lượng nội địa hoặc tỷ lệ nội địa hóa công nghệ); (v) tự do bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao [6]. Các nguyên tắc này đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài, về lý thuyết sẽ thúc đẩy FDI vào các nước thành viên.

Tuy nhiên, trên thực tế tại Việt Nam lâu nay hầu như không có sự phân biệt đối xử nào khác ngoài các điều kiện gia nhập thị trường. Thậm

² Tài chính là lĩnh vực thế mạnh của nhiều nước thành viên TPP và được quy định trong một chương riêng trong TPP.

chí còn có trường hợp “phân biệt đối xử ngược”, ưu tiên nhà đầu tư nước ngoài hơn nhà đầu tư trong nước³. Đồng thời trong quá trình thực hiện cam kết trong các FTA trước đây, Việt Nam đã đạt được các nguyên tắc cơ bản mà TPP quy định⁴. Vì vậy, cam kết của Việt Nam về tự do hóa đầu tư trong TPP sẽ tác động không nhiều đến dòng vốn FDI [9].

2.4. Một số cam kết khác

TPP đưa ra các cam kết khác nhằm: (i) cụ thể hóa nguyên tắc cạnh tranh công bằng, không phân biệt đối xử (qua các chương Chính sách cạnh tranh, Doanh nghiệp nhà nước, Mua sắm chính phủ); (ii) đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích TPP mang lại (qua các chương Phát triển, Doanh nghiệp vừa và nhỏ); (iii) tạo thuận lợi hóa (qua các chương Gắn kết môi trường chính sách, Cạnh tranh, Tạo thuận lợi kinh doanh, Minh bạch hóa và Chống tham nhũng); (iv) hướng tới nền kinh tế tri thức (qua chương Sở hữu trí tuệ); (v) đảm bảo phát triển bền vững (qua chương Lao động, Môi trường). Việc thực hiện các cam kết này dẫn tới cải thiện môi trường kinh doanh và gián tiếp làm giảm chi phí kinh doanh ở các nước thành viên. Đây là những yếu tố quan trọng thúc đẩy FDI vào TPP. Đặc biệt, cam kết sở hữu trí tuệ trong TPP cao hơn hẳn so với trong WTO, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động FDI trong lĩnh vực công nghệ cao giữa các nước TPP.

3. Dự báo tác động của TPP tới FDI vào Việt Nam

Sau khi mở cửa nền kinh tế, trong giai đoạn 1991-1997, Việt Nam đã tiếp nhận làn sóng FDI đầu tiên với 2.230 dự án với tổng vốn đăng ký là 16,2 tỷ USD. Giai đoạn 2007-2009 được coi là khoảng thời gian bùng nổ FDI nhờ tác

³ Ví dụ, thông qua các biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm thu hút FDI mà một số địa phương áp dụng.

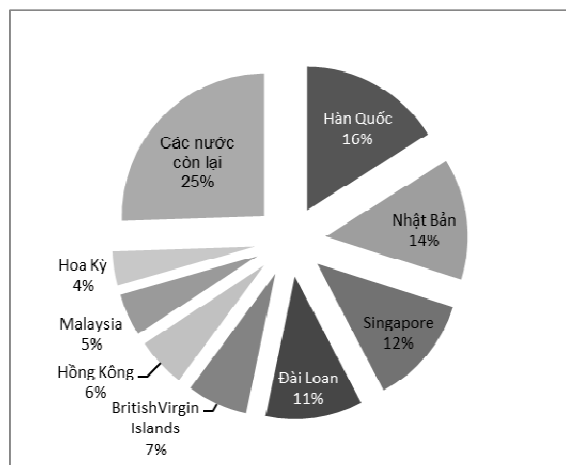
⁴ Năm 2014, Việt Nam đã ban hành Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp mới phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong các FTA.

động của việc Việt Nam tham gia WTO. Năm 2007, vốn đăng ký tăng vọt với 21,3 tỷ USD, vốn thực hiện đạt hơn 8 tỷ USD gấp đôi so với năm 2006. Năm 2008, ngay trong thời kỳ khủng hoảng thế giới nổ ra, vốn đăng ký đạt mức kỷ lục hơn 72 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 11,5 tỷ USD. Giai đoạn 2009-2014, Việt Nam vẫn duy trì được ổn định lượng vốn FDI, thu hút từ 10-12,5 tỷ USD vốn thực hiện mỗi năm⁵. Việc ký kết TPP mang tính chất bước ngoặt và hứa hẹn có thể mang đến làn sóng FDI tiếp theo cho Việt Nam.

3.1. Thu hút FDI từ các thành viên TPP

Trong các nước TPP, Nhật Bản, Singapore, Malaysia và Hoa Kỳ là các đối tác đầu tư chính, nằm trong nhóm 8 nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam (Biểu đồ 1).

Trong đó, Hoa Kỳ là đối tác tiềm năng lớn nhất có thể tạo ra cú hích đối với dòng vốn FDI vào Việt Nam trong thời gian tới [9]. Sau 20 năm bình thường hóa quan hệ, Hoa Kỳ đã trở thành đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam⁶.



Biểu đồ 1: FDI vào Việt Nam theo đối tác, lũy kế đến ngày 20/12/2015.

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, 2015

⁵ Số liệu của Tổng cục Thống kê, <https://www.gso.gov.vn/>

⁶ Năm 2015, Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam (chỉ sau Trung Quốc và EU) và là thị trường lớn nhất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam (Tổng cục Hải quan, <https://www.gso.gov.vn/>).

Tuy nhiên, FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam còn khiêm tốn, chỉ chiếm 4% tổng giá trị FDI mà Việt Nam thu hút được. Với chiến lược xoay trục chuyển trọng tâm sang châu Á, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á, đầu tư của Hoa Kỳ vào khu vực này có xu hướng tăng nhanh. Việt Nam được đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn thứ hai trong khối ASEAN (sau Indonesia, nước này chưa tham gia TPP) do có lợi thế về thị trường lao động dồi dào, chi phí thấp, có mối quan hệ tốt với Hoa Kỳ và môi trường vĩ mô ổn định [10]. Một số doanh nghiệp Hoa Kỳ đã hoặc đang có kế hoạch dịch chuyển các nhà máy sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam và biến Việt Nam thành trọng điểm trong chuỗi cung ứng toàn cầu của mình⁷. Các tín hiệu này cho thấy các tập đoàn của Hoa Kỳ đang có chiến lược đầu tư vào Việt Nam giống như họ đã làm từ trước đến nay là tận dụng dỡ bỏ thuế quan để sản xuất tại Việt Nam rồi tái xuất sang Mỹ. Kể từ khi Việt Nam tham gia đàm phán TPP, số lượng các công ty Hoa Kỳ đến Việt Nam tìm kiếm cơ hội đầu tư ngày càng nhiều, trong đó có nhiều tập đoàn lớn như Boeing, Apple, AIG, Exxon Mobil... Các lĩnh vực then chốt của Việt Nam như dầu khí, hàng không, công nghệ thông tin và điện được các nhà đầu tư Hoa Kỳ rất quan tâm. Trong các hoạt động xúc tiến đầu tư, Hoa Kỳ thể hiện dự định vượt qua Hàn Quốc để trở thành nhà đầu tư số một tại Việt Nam [9].

Bên cạnh đó là cơ hội thu hút vốn đầu tư từ hai đối tác FDI hàng đầu của Việt Nam là Nhật Bản và Singapore. Tuy nhiên, tác động từ TPP sẽ không ảnh hưởng đến dòng vốn FDI từ hai nước này vào Việt Nam nhiều như trường hợp Hoa Kỳ. Sở dĩ như vậy vì trước TPP, Việt Nam đã ký hiệp định song phương với Nhật Bản (năm 2008) và với Singapore (năm 2005). Ngoài ra, Việt Nam cũng phải đối mặt với áp

⁷ Điển hình là Microsoft từ cuối năm 2014 đã chuyển nhà máy sản xuất điện thoại thông minh từ Trung Quốc sang Việt Nam; đồng thời đầu tư về vấn đề nhân sự, phát triển kỹ năng và nguồn lực cho lực lượng công nghệ thông tin ở Việt Nam. Ngoài ra còn có các tập đoàn khác có kế hoạch dịch chuyển phần lớn cơ sở sản xuất sang Việt Nam như Nike, Mast Industries...

lực cạnh tranh trong thu hút FDI với các nước TPP khác, đặc biệt là Malaysia và Singapore. Năm 2014, FDI của Nhật Bản vào Việt Nam chỉ xếp thứ 10/11 nước châu Á mà Nhật Bản có hoạt động FDI (Singapore thứ 3, Malaysia thứ 7) và xếp thứ 6 trong các nước TPP (sau Hoa Kỳ, Australia, Singapore, Canada và Malaysia) [11]. FDI của Singapore vào Việt Nam cũng chỉ xếp thứ 4/8 nước TPP mà Singapore có hoạt động FDI, trong đó FDI của Singapore vào Malaysia lớn gấp hơn 9 lần FDI vào Việt Nam [9].

Về lĩnh vực thu hút đầu tư, các nước thành viên TPP có thể tăng đầu tư vào Việt Nam trong các lĩnh vực: (i) các nước này có lợi thế so sánh, chuyển quá trình sản xuất sang Việt Nam (ví dụ: điện tử, công nghệ cao) nhằm tận dụng chi phí rẻ rồi tái xuất khẩu sản phẩm cuối cùng; (ii) Việt Nam có lợi thế về nguồn lực như khí hậu, tài nguyên, nguồn nhân lực (ví dụ: nông nghiệp); (iii) dịch vụ mà trước đó Việt Nam chưa cam kết mở cửa hoặc mở cửa hạn chế (đặc biệt là dịch vụ tài chính).

3.2. Thu hút FDI từ các đối tác ngoài TPP

TPP không chỉ thúc đẩy FDI giữa các nước thành viên TPP mà còn thúc đẩy các nước ngoài khối đầu tư vào TPP để hưởng các ưu đãi mà các nước thành viên dành cho nhau cũng như tận hưởng môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện.

Như đã phân tích, một số mặt hàng quan trọng của Việt Nam hiện đang phải chịu mức thuế suất cao khi xuất khẩu sang thị trường TPP có khả năng gia tăng xuất khẩu đáng kể nhờ được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực bao gồm: dệt may, da giày, lúa gạo, đồ gỗ, thủy sản và nông sản. Trong khi đó, một số đối thủ cạnh tranh chính trong khu vực châu Á như Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan, Campuchia, Myanmar hiện chưa tham gia TPP. Các nước sẽ có động lực để đầu tư trực tiếp vào Việt Nam trong những lĩnh vực này nhằm tận dụng ưu đãi thuế suất 0% mà Việt Nam được hưởng.

Ngoài ra, dòng vốn FDI ngoại khối còn có xu hướng tập trung vào các ngành công nghiệp phụ trợ. Quy tắc xuất xứ trong TPP là thách

thức lớn vì ngay cả trong những ngành mà Việt Nam có lợi thế như dệt may, da giày, Việt Nam cũng chỉ tham gia vào một vài khâu sản xuất trong chuỗi giá trị. Phần lớn nguyên liệu đầu vào phải nhập từ các nước chưa phải thành viên TPP (như Trung Quốc, Hàn Quốc...). Trong thực tế, thời gian gần đây Việt Nam đã tiếp nhận được dòng vốn FDI lớn đổ vào lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, đặc biệt là trong ngành dệt may⁸.

3.3. Một số vấn đề đặt ra

Thứ nhất, mặc dù TPP có tác động sâu rộng và được cộng đồng doanh nghiệp rất quan tâm, số lượng doanh nghiệp có hiểu biết về TPP và tác động của nó đến doanh nghiệp của mình là rất ít. Theo khảo sát của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia thực hiện cuối năm 2015, trong 500 doanh nghiệp Việt Nam được hỏi, chỉ có khoảng 50% biết về TPP, trong đó có tới 40% không biết TPP có tác động như thế nào đến doanh nghiệp của mình [9].

Thứ hai, lợi thế trong thu hút FDI của Việt Nam đến từ việc Việt Nam tham gia TPP ngay từ đầu trong khi các nước đối thủ cạnh tranh chính về thương mại và đầu tư của Việt Nam chưa tham gia TPP. Tuy nhiên, lợi thế này chỉ tồn tại trong ngắn hạn (5-10 năm) vì TPP là một FTA có tính mở và trong tương lai các nước khác có thể được phép đàm phán gia nhập TPP. Hiện nay, Indonesia, Philippines, Thái Lan, Hàn Quốc và Trung Quốc rất quan tâm tới TPP và đã bày tỏ ý định tham gia Hiệp định này. Vì vậy, Việt Nam cần tận dụng triệt để quãng thời gian này để bứt phá trước khi lợi thế bị triệt tiêu.

Thứ ba, sự gia tăng về số lượng FDI nhờ lợi thế từ TPP không đảm bảo đi kèm với cải thiện chất lượng FDI. Dòng vốn FDI từ các nước đang phát triển đầu tư vào Việt Nam để tận dụng ưu đãi thuế trong TPP có thể dẫn tới nguy cơ biến Việt Nam thành điểm tiếp nhận công

⁸ Ví dụ dự án đầu tư của Công ty TNHH Polytex Far Eastern của Đài Loan (vốn đăng ký 274 triệu USD), Tập đoàn Hyosung của Hàn Quốc (vốn đăng ký 995 triệu USD), Công ty TNHH Worldon Việt Nam của Hồng Kông (vốn đăng ký 330 triệu USD) gần đây trong lĩnh vực dệt may.

nghe lạc hậu và rơi vào bẫy “công nghệ trung bình”. Đối với các dự án FDI chất lượng cao, TPP chỉ có yếu tố hỗ trợ chứ không có tính quyết định đối với hoạt động đầu tư. Muốn cải thiện chất lượng dòng vốn FDI, Việt Nam cần tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trình độ công nghệ.

Thứ tư, cần lưu ý rằng khả năng thực thi cam kết chứ không phải bản thân cam kết mới là nhân tố tác động đến niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài. Nhiều ý kiến cho rằng các cam kết liên quan đến sở hữu trí tuệ trong TPP sẽ giúp Việt Nam thu hút được các dự án FDI công nghệ cao, công nghệ sáng tạo. Tuy nhiên, tác động này là không chắc chắn vì mặc dù Việt Nam đã có cam kết về sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WTO nhưng việc thực thi rất kém, tỷ lệ vi phạm bản quyền còn rất cao⁹. Vì vậy, nhà đầu tư nước ngoài sẽ hết sức thận trọng, quan sát hành động trên thực tế trước khi quyết định. Để tạo niềm tin cho nhà đầu tư, Việt Nam cần phải có những hành động cụ thể, quyết liệt trong thực thi cam kết về sở hữu trí tuệ.

4. Giải pháp tăng cường thu hút FDI vào Việt Nam

Để tăng cường thu hút FDI trong quá trình tham gia TPP, Việt Nam cần tận dụng các cơ hội thu hút FDI trong ngắn hạn và chuẩn bị điều kiện sẵn sàng cho các cơ hội thu hút FDI có chất lượng cao trong dài hạn.

4.1. Tăng cường nhận thức và nghiên cứu về tác động của TPP tới FDI của Việt Nam

TPP tác động tới dòng vốn FDI thông qua nhiều kênh đan xen lẫn nhau. Để tận dụng triệt để cơ hội mà TPP mang lại, việc tăng cường nhận thức, tuyên truyền và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu tác động của TPP đối với FDI là vô cùng quan trọng. Điều này giúp Nhà nước, doanh nghiệp và người dân có hiểu biết cận kề

về các tác động của TPP, từ đó có sự chuẩn bị kỹ càng về chính sách, chiến lược, điều chỉnh hoạt động... Bên cạnh các cơ hội, thách thức cạnh tranh mà Việt Nam phải đối mặt là vô cùng khắc nghiệt. Việt Nam là nước có trình độ phát triển thấp nhất trong TPP, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Nếu không chuẩn bị ngay từ bây giờ, khi TPP có hiệu lực, doanh nghiệp Việt Nam có nguy cơ bị nuốt chửng hoặc phải đi làm thuê cho doanh nghiệp nước ngoài.

4.2. Cải thiện môi trường đầu tư

TPP tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong thu hút FDI. Tuy nhiên, tác động này chỉ có tính chất ngắn hạn và không giúp Việt Nam cải thiện được chất lượng dòng vốn FDI. Để thu hút FDI chất lượng cao và duy trì dòng vốn này trong dài hạn, Việt Nam không có cách nào khác phải cải thiện môi trường kinh doanh trong nước. Mặc dù có cải thiện trong bảng xếp hạng Môi trường kinh doanh năm 2016 do Ngân hàng Thế giới¹⁰ thực hiện nhưng thứ hạng của Việt Nam (90/189 quốc gia) còn khiêm tốn khi so sánh với các nước cạnh tranh thu hút FDI trong TPP như Singapore (10 năm liền xếp thứ nhất) và Malaysia (xếp thứ 18) [12]. Trong các chỉ tiêu được đưa vào để đánh giá, một số chỉ tiêu Việt Nam bị đánh giá rất thấp như khởi sự kinh doanh, tiếp cận điện năng, bảo vệ nhà đầu tư nhỏ, nộp thuế và giải quyết phá sản.

Báo cáo PCI 2014 cũng chỉ ra rằng, đặt trong tương quan với các nước cạnh tranh chính trong khu vực, các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đánh giá Việt Nam bất lợi ở 4 điểm: (i) Tham nhũng; (ii) Cơ sở hạ tầng; (iii) Dịch vụ công và (iv) Số lượng quy định [13]. Kết quả này cơ bản phù hợp với các kết quả khảo sát do AmCham (Hoa Kỳ) và JETRO (Nhật Bản) tiến hành.

Điều này cho thấy Việt Nam cần nỗ lực nhiều hơn nữa để cải thiện môi trường đầu tư,

⁹ Theo báo cáo của Liên minh Phần mềm Doanh nghiệp (BSA), năm 2011 Việt Nam có tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm máy tính lên tới 81%.

¹⁰ Năm 2016, Ngân hàng Thế giới áp dụng cách tính mới theo đó bổ sung một số tiêu chí nên thứ hạng của Việt Nam được cải thiện khi áp dụng cùng một cách tính trong hai năm chứ không dựa vào thứ hạng tuyệt đối được công bố.

đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính; bảo vệ nhà đầu tư; tăng khả năng tiếp cận điện năng; phát triển cơ sở hạ tầng; và chống tham nhũng.

4.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trình độ công nghệ

Bên cạnh cải thiện môi trường kinh doanh, để thu hút được FDI chất lượng cao, Việt Nam cần đáp ứng được các yêu cầu cao về nguồn nhân lực và trình độ công nghệ.

Về nguồn nhân lực, lao động phổ thông không có chuyên môn kỹ thuật chiếm 81,8% tổng số lao động ở Việt Nam. Chất lượng nguồn nhân lực thấp và cách xa so với các nước trong khu vực. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, nếu lấy thang điểm 10 thì lao động của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á được xếp hạng [14]. Năng suất lao động của Việt Nam năm 2014 chỉ bằng 1/18 so với Singapore và 1/6 so với Malaysia [15]. Ngoài ra, trình độ ngoại ngữ là một trở ngại đối với nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm nguồn nhân lực bản địa¹¹. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần có chiến lược phát triển tổng thể nguồn nhân lực, đặc biệt là cải cách hệ thống giáo dục hướng tới đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Về trình độ công nghệ, theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2015-2016 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), trình độ công nghệ của Việt Nam xếp hạng 92/140 quốc gia [16]. Muốn nâng cao trình độ công nghệ để thu hút FDI chất lượng cao một cách hiệu quả, trước hết Việt Nam cần xác định được trình độ công nghệ nào là hợp lý và đáp ứng được yêu cầu của đối tượng FDI mà mình muốn thu hút. Sau đó, Nhà nước đầu tư nguồn lực xứng đáng cho phát triển công nghệ; khuyến khích tư nhân đầu tư vào lĩnh vực này; đào tạo nguồn nhân lực; hình thành thị trường; đồng thời hợp tác trong và ngoài nước về phát triển công nghệ.

¹¹ Theo khảo sát của JobStreet.com (mạng việc làm hàng đầu châu Á) đối với năm nước bao gồm Singapore, Philippines, Malaysia, Indonesia và Việt Nam, trình độ tiếng Anh của lao động Việt Nam chỉ xếp thứ 4, <http://plo.vn/kinh-te/ngoai-ngu-cua-lao-dong-viet-kem-xa-cac-nuoc-asean-615154.html>

4.4. Tham gia và thực thi nghiêm túc cam kết về sở hữu trí tuệ trong TPP

Để thu hút được FDI trong lĩnh vực công nghệ cao từ các nước phát triển tạo lực đẩy phát triển trong nước, việc thực thi đầy đủ, nghiêm túc cam kết về sở hữu trí tuệ là điều kiện bắt buộc. Trong ngắn hạn, những điều chỉnh này có thể gây ra thiệt hại đáng kể cho các doanh nghiệp trong nước, thậm chí có thể coi là “cuộc cải cách đau đớn”. Tuy nhiên, trong dài hạn xu hướng này là không thể đảo ngược và có lợi cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Việt Nam càng thực hiện sớm càng có lợi, giúp doanh nghiệp có thời gian điều chỉnh dài hơn, từ đó giảm bớt các thiệt hại không đáng có từ các cú sốc khi TPP có hiệu lực. Vì vậy, Việt Nam cần mạnh dạn tham gia vào các cam kết về sở hữu trí tuệ trong TPP; rà soát lại Luật Sở hữu trí tuệ nhằm điều chỉnh cho phù hợp với các cam kết sâu hơn trong TPP. Ngoài ra, Việt Nam cần thực thi đầy đủ và nghiêm túc cam kết; đặt ra các chỉ tiêu rõ ràng về giảm tỷ lệ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và áp dụng mức chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm.

5. Kết luận

TPP hình thành nên một thị trường chung có quy mô lớn, chi phí kinh doanh giảm, môi trường chính sách và kinh doanh thuận lợi, từ đó thúc đẩy FDI vào các nước thành viên. Việt Nam tham gia TPP trong khi các đối thủ cạnh tranh chính chưa tham gia tạo cho Việt Nam lợi thế đáng kể trong thu hút luồng vốn FDI.

Trong các nước TPP, Hoa Kỳ là đối tác có tiềm năng gia tăng FDI nhiều nhất vào Việt Nam. FDI từ Nhật Bản và Singapore vào Việt Nam chịu ảnh hưởng từ TPP ít hơn; đồng thời Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với Singapore và Malaysia trong thu hút FDI từ hai đối tác này. Ngoài ra, Việt Nam cũng sẽ thu hút được FDI từ các đối tác ngoài TPP muốn tận dụng các ưu đãi mà Việt Nam được hưởng. Các lĩnh vực Việt Nam có thể thu hút FDI nhờ tác động của TPP bao gồm: (i) Lĩnh vực Việt Nam được

hưởng lợi nhiều nhất từ cắt giảm thuế quan; (ii) Lĩnh vực Việt Nam có lợi thế về nguồn lực để sản xuất ra sản phẩm đó; (iii) Công nghiệp phụ trợ; (iv) Dịch vụ và (v) Công nghệ cao.

Tuy nhiên, các tác động từ cắt giảm thuế có tính chất ngắn hạn và TPP không đảm bảo cải thiện chất lượng dòng vốn FDI. Để tăng cường thu hút FDI, Việt Nam cần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trình độ công nghệ, tham gia và thực thi nghiêm túc cam kết về sở hữu trí tuệ trong TPP.

Các nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này, đặc biệt là nghiên cứu về tác động của TPP tới FDI vào Việt Nam trong từng lĩnh vực là rất cần thiết để Nhà nước, doanh nghiệp và người dân Việt Nam nâng cao nhận thức, tận dụng được cơ hội, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các thách thức trong quá trình hội nhập TPP.

Tài liệu tham khảo

- [1] UNCTAD, World Investment Report 1998: Trends and Determinants, New York and Geneva: United Nations, 1998.
- [2] Dunning, J. H., Multinational Enterprises and the Global Economy, Harlow, Essex: Addison Wesley publishing Co, 1993.
- [3] Phùng Xuân Nhạ, Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: Lý luận và thực tiễn, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.
- [4] Phùng Xuân Nhạ, Cơ sở thực tiễn điều chỉnh chính sách FDI ở Việt Nam, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- [5] Moon, J., The Influence of Free Trade Agreement on Foreign Direct Investment: Comparison with non-FTA countries, http://fdhawks.bol.ucla.edu/20090529_1.pdf, truy cập ngày 20/03/2016.
- [6] Thangavelu, S. M., Findlay, C., “The Impact of Free Trade Agreements on Foreign Direct Investment in the Asia-Pacific Region”, in Findlay, C. (ed.), ASEAN+1 FTAs and Global Value Chains in East Asia. ERIA Research Project Report 2010-29, Jakarta: ERIA, 2011, pp. 112-131.
- [7] Phùng Xuân Nhạ, Giáo trình Đầu tư quốc tế, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
- [8] Bộ Tài chính (2015), “Tóm tắt cam kết thuế quan trong TPP”, Thông cáo báo chí, 11/2015, <http://trungtamwto.vn/tin-tuc/tom-tat-cam-ket-thue-quan-trong-tpp-thong-cao-bao-chi-cua-bo-tai-chinh>, truy cập ngày 20/03/2016.
- [9] Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Báo cáo kết quả đề án “Nghiên cứu các đối tác chủ yếu là thành viên TPP nhằm thúc đẩy đầu tư và thương mại vào Việt Nam”, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia, 2015.
- [10] AmCham, ASEAN Business Outlook Survey 2015, Singapore, 2015.
- [11] JETRO, Global Trade and Investment Report 2015 - New Efforts Aimed at Developing Global Business, 2015.
- [12] World Bank, Doing Business 2016 Report: Measuring Regulatory Quality and Efficiency, Washington, DC, 2016.
- [13] PCI, Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2014, NXB. Lao động, 2015.
- [14] Hà Chung, “Hướng tới Cộng đồng ASEAN: 8 lĩnh vực ngành nghề được tự do di chuyển”, <http://baochinhpvu.vn/Viet-Nam-ASEAN/Huong-toi-Cong-dong-ASEAN-8-linh-vuc-nganh-nghe-duoc-tu-do-di-chuyen/244401.vgp>, truy cập ngày 20/03/2016.
- [15] Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Báo cáo Năng suất lao động của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, Hà Nội, 2015.
- [16] WEF, Global Competitiveness Report 2015-2016, Geneva, 2015.

Forecasting the Impact of Trans-Pacific Partnership on Foreign Direct Investment in Vietnam

Phùng Xuân Nhạ, Nguyễn Thị Minh Phương

*Vietnam National University, Hanoi
144 Xuân Thủy Str., Cầu Giấy Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: The Trans-Pacific Partnership (TPP) is regarded as the most ambitious and comprehensive free trade agreement (FTA) so far. TPP will contribute to the boom of FDI flows into its member countries, including Vietnam. This paper analyzes the impact of TPP on FDI inflows from the theoretical aspects; considers the negotiation contents of TPP affecting FDI flows into Vietnam; forecasts the impact of TPP on FDI in Vietnam and suggests some solutions for Vietnam to actively attract FDI in a sustainable way.

Keywords: Trans-Pacific Partnership (TPP), foreign direct investment (FDI), Vietnam.